

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2022.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Trung Kiên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Pang Ting Suyl**

2. Ông **K’Dung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Cương** – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Mai Trường Trinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số 198/2022/TLST–HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Doãn B**, sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Ngày 30/9/2008, chị và anh Nguyễn Doãn B về chung sống vợ chồng với nhau, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 05/2008. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về tính cách, lối sống và quan điểm sống. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Nay chị

xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Doãn B

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Doãn B1, sinh ngày 01/01/2011. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con. Chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đồng thời tại Đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 06/6/2022, chị A đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị.

Tại bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Doãn B trình bày:

Anh và chị A kết hôn vào ngày 30/9/2008, tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng, có tổ chức lễ cưới. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn và xảy ra nhiều bất đồng không thể hàn gắn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay, chị A yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung như chị A trình bày. Khi ly hôn anh đồng ý để chị A nuôi con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Các đương sự đều vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, sự chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị A. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Doãn B1, sinh ngày 01/01/2011 cho chị A có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: chị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc không công nhận là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A và bị đơn anh Nguyễn Doãn B vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Doãn B xây dựng gia đình với nhau năm 2008, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Tại phiên tòa, các

đương sự đều vắng mặt. Tuy nhiên, trong lời khai chị Axác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ayêu cầu được ly hôn, còn tại bản tự khai anh Bcũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Avà anh Bđã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Vân, xử cho chị Avà anh Bđược ly hôn là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị Avà anh Bcó 01 con chung là Nguyễn Doãn B1, sinh ngày 01.01.2011. Khi ly hôn chị Ayêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, còn anh Bcũng đồng ý giao con cho chị Atrực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, sự thỏa thuận nuôi con của các bên đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Hơn nữa, hiện nay con chung của chị Avà anh Bđã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn nên căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Nguyễn Doãn B1, sinh ngày 01.01.2011 cho chị Acó trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con do chị Akhông yêu cầu nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu gì nên không đặt ra để giải quyết

[5] *Về án phí*: Chị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị A, xử cho chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Doãn B được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao con chung là Nguyễn Doãn B1, sinh ngày 01.01.2011 cho chị Nguyễn Thị A có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh Nguyễn Doãn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ

(Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003199 ngày 12/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ – Tòa án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Trung Kiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Kiên